AMTÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HS-ST
Ngày 27 - 7- 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng
Các Hội thẩm nhân dân : Ông Nguyễn Văn Sâm
Bà Đỗ Thị Phương - Giáo viên trường THPT Lê Lợi, huyện T.
- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T .
- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa*:*
Bà Hà Thị Hồng Tú - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2022/TLST - HS ngày 10 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2022/QĐXXST - HS ngày 11/7/2022 đối với các bị cáo:

1. Trần Ngọc N, sinh ngày 07 tháng 3 năm 1995 tại thị trấn S, huyện T, tỉnh T; Nơi cư trú: Khu 4 thị trấn S, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N; Bố: Trần Ngọc T , sinh năm 1960; Mẹ: Lê Thị H , sinh năm 1967; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 1; Chưa có vợ con; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/3/2022 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Đại Nghĩa L; Sinh ngày 07 tháng 9 năm 2003 tại xã Thọ Lâm, huyện T, tỉnh T; Nơi cư trú: Thôn Đ xã T , huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tư do; Trình độ Văn hóa: 12/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: N; Tôn giáo: Thiên Chúa ; Quốc tịch: Việt Nam; Bố: Bùi Văn T , sinh năm 1979; Mẹ: Bùi Thị H , sinh năm 1980; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 1; Chưa có vợ, con; Tiền án; Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 12/5/2022 bị Tòa án nhân dân huyện M , tỉnh T xử phạt 24 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích".

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/3/2022 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

1. Cháu Trần Thị N. Sinh năm 2005. Vắng mặt

Người giám hộ cho cháu N: Chị Nguyễn Thị N , sinh năm 1982. Vắng mặt

Đều trú tại: Xóm 4 P , huyện N , tỉnh N .

2. Anh Phan Minh Đ . Sinh năm 2000. Vắng mặt

Trú tại: Khu 2 thị trấn S, huyện T, tỉnh T

3. Anh Đỗ Đình T . Sinh năm1975. Vắng mặt

Trú tại: Khu 4 thị trấn S, huyện T, tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 02h 20 phút ngày 16/3/2022 tại nhà nghỉ, karaoke M ở khu phố 2 thị trấn S, huyện T tổ công tác của Cơ quan điều tra Công an huyện T, tỉnh T bắt quả tang 03 đối tượng gồm: Bùi Đại Nghĩa L; Trần Ngọc N và Trần Thị N đang sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng số 303 của nhà nghỉ. Khi bị phát hiện N và L đã ném 01 đĩa sứ màu trắng hình tròn, dưới đáy đĩa có lớp muội than màu đen; 01 túi nilon màu trắng bên trong có chứa 03 viên màu xanh(thuốc lắc); 01 túi nilon màu trắng bên trong có chứa các hạt tinh thể màu trắng(dạng ketamin); 01 thẻ căn cước công dân mang tên Bùi Đại Nghĩa L; 01 tờ tiền mệnh giá 100.000đ được cuốn thành ống hình tròn, hai đầu có gắn mẫu giấy màu vàng là vỏ đầu lọc điếu thuốc lá; 01 hộp đèn lases màu xanh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Huawei Nova qua cửa sổ phòng số 303 xuống phía mái tôn nhà chị Nguyễn Thị T . Cơ quan điều tra đã lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang thu giữ niêm phong các tang vật nêu trên, chiếc điện thoại không thu được. Ngoài ra kiểm tra phòng số 303 Cơ quan điều tra còn thu giữ 01 chiếc bật lửa ga màu trắng, 01 chiếc loa mi ni màu đen hình hộp.

Các đối tượng khai nhận: Nhà nghỉ, quán karaoke M được Trần Ngọc N thuê lại của chủ sở hữu là vợ chồng anh Đỗ Đình T , sinh năm 1975 và chị Nguyễn Thị T , sinh năm 1983 trú tại khu 4 thị trấn S từ ngày 06/3/2022 với giá 10.000.000đ/tháng. Quá trình kinh doanh N có nhờ Bùi Đại Nghĩa L quản lý nhưng không trả tiền công. Tối ngày 14/3/2022 khi đang đứng ở gần nhà nghỉ M thì N gặp và hỏi mua 05 viên thuốc Lắc với giá 1.500.000đ của một người quen tên là L nhưng không biết địa chỉ cụ thể. Khi mua được thuốc lắc N đem về nhà nghỉ sử dụng ½ viên nhưng không có cảm giác gì. Đến tối ngày 15/3/2022 L dọn phòng số 306 của nhà nghỉ thì thấy 01 túi ma túy do khách để quên nên cầm đưa cho N. Đến 0h ngày 15/3/2022 khi N và L đang trong phòng ngủ thì N lấy túi đựng 4,5 viên thuốc lắc ra cùng 02 túi ma túy ra(01 túi của L đưa, 01 túi của N) và hẹn với L tí anh em ta sử dụng, L đồng ý. Sau đó N nói với L chuẩn bị đĩa sứ,

thẻ nhựa, nước lọc và nước cocacola đem lên phòng số 303 của nhà nghỉ M để sử dụng ma túy. N chuẩn bị và đem lên phòng 01 bộ loa, 01 đèn lases cùng toàn bộ số ma túy. Sau khi đã chuẩn bị đầy đủ, N dùng ứng dụng mesenge trong điện thoại gọi cho Trần Thị N xuống nhà nghỉ chơi. Sau khi nghe điện thoại N đã bắt xe ta xi xuống nhà nghỉ và gọi cho N đón lên phòng 303. Khi đến phòng L dùng tờ tiền 100.000đ và vỏ của đầu điếu thuốc lá cuộn thành ống hít rồi để ở đĩa sứ trên bàn. N lấy thuốc lắc đưa cho L, N và bản thân N, mỗi người uống ½ viên với nước cocacola, 03 viên thuốc lắc còn lại N để ở bàn. Sau khi sử dụng thuốc lắc N bật đèn lases và mở nhạc để "Bay". Khoảng 30 phút sau N lấy điện thoại di động nhãn hiệu Huawei Nova của mình đưa cho L để soi đèn cho N. N dùng bật lửa đốt nóng đĩa sứ, đổ số ma túy(Ketamine) trong túi L đưa lên đĩa, túi ma túy còn lại N để lên bàn. N dùng căn cước công dân mang tên L để đảo ma túy cho mịn rồi chia đôi số ma túy trên đĩa, kẻ ½ số ma túy ra 6 đường. N dùng ống hít do L đã cuộn sẵn bằng tờ tiền để sử dụng hít 2 đường Ketamine, tiếp theo N đưa cho N và L lần lượt sử dụng mỗi người 02 đường ketamine. Khi N và N sử dụng ma túy thì L cầm điện thoại của N soi đèn. Khi L sử dụng ma túy thì N cầm điện thoại soi đèn. Cả ba sử dụng ma túy xong thì lên giường nằm nghe nhạc. Số ma túy còn lại N để trên bàn mục đích để tiếp tục sử dụng đến khi hết thì bị Công an bắt quả tang. N sợ nên trốn trong nhà vệ sinh còn N và L cầm các dụng cụ sử dụng ma túy, số thuốc lắc, ma túy còn lại ném qua cửa sổ. Cơ quan điều tra đã lập biên bản thu giữ và niêm phong toàn bộ tang vật.

Cơ quan điều tra đã khám xét khẩn cấp nơi ở của N thu giữ thêm 01 bật lửa, 01 chiếc loa mi ni tại phòng 303 nhà nghỉ M.

Về nguồn gốc gói ma túy mà L đưa cho N là do L dọn phòng nghỉ số 306 sau khi có một người khách đến nghỉ tại phòng vào trưa ngày 15/3/2022. Khi đến người này tự giới thiệu là bạn của N nhưng không nói tên, địa chỉ.

Cơ quan điều tra đã phối hợp với Trung tâm y tế huyện T kiểm tra chất gây nghiện trong cơ thể N, L, N và xác định tình trạng nghiện sử dụng ma túy. Kết quả xét nghiệm xác định: N, L, N đều dương tính với thuốc lắc, ký hiệu MDMA, Ketamine, Methamphetamine. N, L và N đều không nghiện chất ma túy.

Cơ quan điều tra Công an huyện T đã trưng cầu giám định đối với các chất nghi là ma túy đã thu giữ.

Tại bản kết luận giám định số 1142/KL- KTHS ngày 23/3/2022 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T đã kết luận:

03 viên nén màu xanh của phong bì niêm phong ký hiệu M gửi giám định là chất ma túy, có trọng lượng (khối lượng) 1,182g, loại MDMA;

Các hạt tinh thể màu trắng của phong bì niêm phong kí hiệu M gửi giám định là chất ma túy, có trọng lượng (khối lượng) 0,402g, loại Ketamine;

Trên bề mặt tờ tiền polime mệnh giá 100.000đ của phong bì niêm phong kí hiệu M1 gửi giám định có bám dính chất ma túy, loại Ketamine, không xác định được khối lượng chất ma túy bám dính;

Trên bề mặt thẻ căn cước công dân mang tên Bùi Đại Nghĩa L của phong bì niêm phong kí hiệu M1 gửi giám định có bám dính chất ma túy, loại Ketamine, không xác định được khối lượng chất ma túy bám dính;

Trên bề mặt đĩa sứ màu trắng hình tròn của túi niêm phong kí hiệu M2 gửi giám định có bám dính chất ma túy, loại Ketamine, không xác định được khối lượng chất ma túy bám dính;

Các loại tinh tinh thể màu trắng của phong bì niêm phong kí hiệu M3 gửi giám định là chất ma túy, loại Ketamine, có tổng trọng lượng (khối lượng) là 0,046g.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 pro max màu đen xám của Trần Thị N; 01 điện thoại di động màu hồng không có nhãn hiệu của Bùi Đại Nghĩa L; 01 đầu thu dữ liệu camera nhãn hiệu UNV của Đỗ Đình Thụ đều không liên quan đến vụ án nên đã trả lại cho các chủ sở hữu.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Huawei Nova của N dùng để soi đèn khi sử dụng ma tuý Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thấy nên không thu giữ được.

Vật chứng của vụ án gồm: Một phong bì chứa mẫu vật còn lại sau giám định được dán kín niêm phong bởi các chữ ký, ghi rõ họ tên của Nguyễn Trần Đ , Lê Minh T , Trịnh Văn M và các hình dấu của phòng ký thuật hình sự Công an tỉnh T. Bên trong có chứa 02 viên nén màu xanh khối lượng 0,744g; Các hạt tinh thể màu trắng có khối lượng 0,362g của phong bì kí hiệu M; 01 thẻ căn cước công dân mang tên Bùi Đại Nghĩa L; 01 tờ tiền mệnh giá 100.000đ được cuốn thành ống hình tròn, hai đầu có gắn mẫu giấy màu vàng; 01 đĩa bằng sứ màu trắng; 0,033g các hạt tinh thể màu trắng của phong bì kí hiệu M3; 01 bật lửa ga màu trắng đã qua sử dụng; 01 chiếc loa mi ni màu đen, hình hộp đã qua sử dụng; 01 hộp đèn lases màu xanh đã qua sử dụng hiện đang quản lý và nhập kho vật chứng tại Chi cục Thi hành án huyện T.

Cáo trạng số 38/CT- VKSTX ngày 09/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố các bị cáo: Trần Ngọc N và Bùi Đại Nghĩa L về tội: "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố .

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo: Trần Ngọc N và Bùi Đại Nghĩa L phạm tội: "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Đề nghị áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; Điểm s khoản 1 điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Trần Ngọc N và Bùi Đại Nghĩa L; Áp dụng thêm khoản 2 điều 51 và khoản 2 điều 56 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bùi Đại Nghĩa L;

Đề nghị HĐXX xử phạt:

Bị cáo Trần Ngọc N từ 07(Bảy) năm 03(Ba) tháng đến 07(Bảy) năm 06(Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 16/3/2022.

Bị cáo Bùi Đại Nghĩa L từ 07(Bảy) năm 03(Ba) tháng đến 07(Bảy) năm 06(Sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 24 tháng tù theo Bản án số 26/2022/HSST ngày 12/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh T. Hình phạt chung cho cả 02 tội từ 09(Chín) năm 03(Ba) tháng đến 09(Chín) năm 06(Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 16/3/2022 được trừ thời gian đã tạm giữ 09 ngày của Bản án số 26/2022/HSST ngày 12/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện M.

Đề nghị HĐXX Không phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a, c khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy các công cụ dùng vào việc phạm tội; Trả lại căn cước công dân cho Bị cáo L; Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 ống hút bằng tờ tiền mệnh giá 100. 000đ. Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, các bị cáo đề nghị HĐXX cho các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật với mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra. Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ

khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Kết luận giám định; Lời khai của những người làm chứng đều phản ánh thống nhất khách quan: Vào ngày 16/3/2022 tại nhà nghỉ, Karaoke M khu phố 2 thị trấn S, huyện T các bị cáo Trần Ngọc N và Bùi Đại Nghĩa L đã có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, loại ma túy MDMA và Ketamine. Đồng thời đưa trái phép chất ma túy cho Trần Thị N sử dụng, trong đó Trần Thị N dưới 18 tuổi(17 tuổi 03 ngày). Do đó hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội: "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Các bị cáo tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy đối với 03 người và có người dưới 18 tuổi nên các bị cáo phải chịu hai tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b và c khoản 2 điều 255 Bộ luật hình sự;

Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Các bị cáo Trần Ngọc N và Bùi Đại Nghĩa L phạm tội: "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b, c khoản 2 điều 255 Bộ luật hình sự;

Cáo trạng số 38/CT- VKSTX ngày 09/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất của vụ án: HĐXX thấy rằng: Đây là vụ án có tính chất rất nghiêm trọng.

[4] Xét về mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo HĐXX thấy rằng: Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước về các chất ma túy. Hành vi của các bị cáo làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội. Ma túy là cầu nối của đại dịch HIV, là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác. Do đó cần phải xử phạt nghiêm minh mới đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo và có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung trong toàn xã hội.

[5]. Xét về vai trò thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo: Đây không phải là trường hợp phạm tội có tổ chức mà chỉ là đồng phạm giản đơn. .

Trong vụ án này bị cáo N là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo tham gia tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; Bị cáo N chọn địa điểm là nhà nghỉ, Karaoke M để tổ chức sử dụng ma túy; Bị cáo N trực tiếp lấy ma túy chia cho tất cả mọi người cùng sử dụng, xào Ketamine, kẻ thành từng đường và đưa cho L và N cùng sử dụng. Do đó bị cáo N xếp vai trò chính trong vụ án và phải chịu mức hình phạt cao nhất.

Bị cáo L tham gia với vai trò là người giúp sức. Bị cáo L là người cùng thống nhất với bị cáo N về việc tổ chức sử dụng ma túy. Bị cáo L cũng sử dụng ma túy cùng với N và N; Bị cáo L cuốn tờ tiền thành ống hít để sử dụng ma túy, cầm đèn điện thoại để soi cho N và N sử dụng ma túy nên L xếp vai trò cuối cùng trong vụ án. Do đó bị cáo L phải chịu mức hình phạt thấp hơn bị cáo N.

[6] Xét về nhân thân của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự HĐXX thấy rằng: Bị cáo L có nhân thân: Ngày 12/5/2022 bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh T xử phạt 24 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích". Tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo hành vi phạm tội nên các bị cáo đều được hưởng một tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS; Bị cáo L có ông ngoại là ông Bùi Khánh N được Chủ tịch nước CHXHCNVN tặng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba nên bị cáo L được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử sẽ giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật.

[7]. Về hình phạt: HĐXX xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội. Mặt khác đây là vụ án có tính chất rất nghiêm trọng. Vì vậy HĐXX áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo, bắt các bị cáo cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục các bị cáo trở thành người tốt có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo L phạm tội trong thời gian đang điều tra về hành vi Gây thương tích và hiện tại Bản án số 26/2022/HSST ngày 12/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh T đã có hiệu lực pháp luật nên HĐXX áp dụng khoản 2 điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo L.

Mặc dù bị cáo L xếp vai trò thấp hơn bị cáo N tuy nhiên bị cáo L có nhân thân xấu nên HĐXX xét xử 02 bị cáo với mức án ngang nhau là phù hợp với quy định pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Xét điều kiện hoàn cảnh gia đình của các bị cáo hiện tại kinh tế khó khăn, các bị cáo đều phải chấp hành hình phạt tù nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Trong vụ án này Trần Thị N đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra xử phạt hành chính là phù hợp.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho N và người khách nghỉ tại phòng 306, Cơ quan điều tra đã điều tra xác minh nhưng không xác định được nên không có căn cứ xử lý.

Đối với số ma túy còn lại Cơ quan điều tra đã thu giữ khi bắt quả tang là của Trần Ngọc N, mục đích đang tiếp tục tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự về tội: " Tàng trữ trái phép chất ma túy" đối với N.

[8] Về xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án là các mẫu vật còn lại sau giám định; 01 bật lửa ga, 01 loa và đèn lase đều là công cụ, phương tiện phạm tội nên HĐXX căn cứ vào điểm a, c khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 căn

cước công dân mang tên Bùi Đại Nghĩa L là giấy tờ tùy thân nên trả lại cho bị cáo L; Đối với 01 ống hút cuộn bằng tờ tiền mệnh giá 100.000đ tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Điểm b, c khoản 2 điều 255 Bộ luật hình sự;
- Tuyên bố : Các bị cáo Trần Ngọc N và Bùi Đại Nghĩa L phạm tội: "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"
- Áp dụng: Điểm b, c khoản 2 điều 255; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Ngọc N;
- Xử phạt : Bị cáo Trần Ngọc N 07(Bảy) năm 03(Ba)tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 16/3/2022.
- Áp dụng: Điểm b, c khoản 2 điều 255; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điểm s khoản 1, 2 điều 51; Khoản 2 điều 56 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bùi Đại Nghĩa L;
- Xử phạt : Bị cáo Bùi Đại Nghĩa L 07(Bảy) năm 03(Ba)tháng tù. Tổng hợp hình phạt 02(hai) năm tù được trừ 09(chín) ngày đã tạm giữ, thời gian còn lại phải chấp hành án là 23(Hai mươi ba) tháng 21(hai mươi mốt) ngày tù của Bản án số 26/2022/HSST ngày 12/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh T và Quyết định thi hành án phạt tù số 44/2022 ngày 16/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh T. Hình phạt chung là 09(Chín) năm 02(Hai) tháng 21(Hai mươi mốt) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 16/3/2022.
- Xử lý vật chứng : Căn cứ điểm a, c khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 điều 106 BLTTHS:

Tịch thu tiêu hủy gồm: Một phong bì chứa mẫu vật còn lại sau giám định được dán kín niêm phong bởi các chữ ký, ghi rõ họ tên của Nguyễn Trần Đăng, Lê Minh T , Trịnh Văn M và các hình dấu của phòng ký thuật hình sự Công an tỉnh T. Bên trong có chứa 02 viên nén màu xanh khối lượng 0,744g; Các hạt tinh thể màu trắng có khối lượng 0,362g của phong bì kí hiệu M; 0,033g các hạt tinh thể màu trắng của phong bì kí hiệu M3; 01 đĩa bằng sứ màu trắng; 01 bật lửa ga màu trắng đã qua sử dụng; 02 mẫu giấy màu vàng; 01 chiếc loa mi ni màu đen, hình hộp đã qua sử dụng; 01 hộp đèn lases màu xanh đã qua sử dụng

Trả lại cho Bị cáo Bùi Đại Nghĩa L 01 thẻ căn cước công dân mang tên Bùi Đại Nghĩa L;

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 tờ tiền mệnh giá 100.000đ được cuốn thành ống hình tròn.

Toàn bộ số vật chứng trên thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng số 65 ngày 27/6/2022 của chi cục Thi hành án dân sự huyện T .

- Về án phí : Căn cứ khoản 2 điều 136 BLTTHS năm 2015; Điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH;

Buộc các bị cáo Trần Ngọc N và Bùi Đại Nghĩa L mỗi bị cáo chịu 200.000đ án phí HSST.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1 điều 331 và khoản 1 điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T
- VKSND tỉnh T
- THA dân sự;
- THA hình sự Công an huyện T
- Trại tạm giam Công an tỉnh T;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hằng